PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở NGHỆ - TĨNH TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA HỘI THIỆN SINH TRUNG KỲ

DƯƠNG THANH MỪNG*

1. Khái quát về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nghệ - Tĩnh

Từ đầu thập niên 1920, ý tưởng về chấn hưng, cải cách Phật giáo miền Trung bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên khác với hai miền Nam - Bắc (đã có chương trình chấn hưng cụ thể), giới Phật tử miền Trung lúc này lại chú ý nhiều hơn đến phương diện liên kết đoàn thể, đào tạo tăng tài. Theo họ, gốc rễ của sự suy yếu Phật giáo bắt nguồn từ thực trạng tăng đoàn rời rạc, tăng đồ thất học. Do đó, vào năm 1921, Hoà thượng Thiện Quả, Phổ Thoại, Phước Trí đứng ra vận động các tăng ni, Phật tử ở Quảng Nam, Đà Nẵng thành lập "Bản tỉnh Chư sơn hội" để chỉnh đốn tăng già và chấn chỉnh thiền môn. Ở Huế, Hoà thượng Giác Tiên, Giác Nhiên mở lớp học tại chùa Trúc Lâm, chùa Tây Thiên. Ở Bình Định, các lớp học được mở tại chùa Thập Tháp và Long Khánh dưới sự giảng dạy trực tiếp của Quốc sư Phước Huệ.

Đến năm 1927, một chương trình chấn hưng Phật giáo chính thức xuất hiện tại miền Trung. Chương trình này do Hoà thượng Trang Quảng Hưng đề xuất với 3 điểm cơ bản: "1/Làm trường học tại chùa, rước thầy giáo đến dạy các đạo nhỏ. Trước phải học hai buổi công phu sớm khuya và bốn cuốn luật của nhà chùa; 2/Nuôi người nghèo khổ ăn học cho biết hai thứ chữ Tàu và Quốc ngữ; 3/Dịch kinh Phật ra chữ Quốc ngữ. Trước phải tìm kiếm các bài thơ ca, truyện giảng trong nhà Phật của các bậc tiền bối để lại, đem dịch ra Quốc văn cho bá tánh biết tích lớp mà tu hành. Sau sẽ thỉnh các vị cao tăng bác học dịch Đại tạng Chư kinh để truyền bá cho người hữu tâm, rõ nghĩa "Từ bi vô thượng" của đức Như Lai" (1). Sau khi xin được giấy phép thành lập Phật học đường tại chùa Từ Vân, Đà Nẵng, Hoà thượng Trang Quảng Hưng vân du vào Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ để vận động tăng ni, Phật tử tham gia chấn hưng Phật giáo.

Đến giữa năm 1931, sau khi nhận được tin ở Nam Kỳ có Hội Phật giáo thành lập, Hoà thượng Giác Tiên đứng ra vận động và tập hợp các bậc tăng sĩ, cư sĩ soạn thảo điều lệ và bàn định phương cách lập hội. Trên cơ sở thống nhất về tên gọi và quy cách hoạt động, đầu năm 1932, cư sĩ Lê Đình Thám cùng Nguyễn Phúc Ưng Bàng, Hoàng giáp Đinh Văn Chấp, Thân Trọng Huề, sư bà Diệu Không, Nữ sử Đạm Phương,... đã thay mặt cho các thành viên trong ban vận động gửi đơn lên Chính phủ Nam triều và Khâm sứ Trung Kỳ về việc thành lập hội. Tuy nhiên, ý nguyện lập hội lại vấp phải sự

*TS. Học viện Chính trị khu vực III, Tp. Đà Nẵng.

phản đối của Thượng thư Bộ Lại là Nguyễn Hữu Bài. Đơn xin lập hội bị gác lại gần 1 năm. Trước tình hình như vậy, các thành viên tìm đến sự giúp đỡ của Đoan Huy Hoàng Thái hậu (Từ Cung, mẹ vua Bảo Đại). Sau khi nghe các thành viên trình bày về những khó khăn trong việc lập hội, Hoàng Thái hậu cho mời Hòa thượng Thích Tịnh Khiết vào cung để minh định thêm câu chuyện. Hiểu rõ sự tình, Hoàng Thái hậu đã viết một bức thư kèm theo bản điều lệ gửi cho vua Bảo Đại xem xét. Ngày 16-8-1932, vua Bảo Đại ra Chỉ dụ chấp thuận việc thành lập một tổ chức nghiên cứu Phật giáo tại Kinh đô Huế.

Ngày 17-09-1932, Khâm sứ Yves Charles Châtel ký Nghị định số 2691, cho phép Hội An Nam Phật học thành lập (2), chính thức mở đầu cho công cuộc chấn hưng Phật giáo tại miền Trung. Mục đích ban đầu của Hội là: "Mỗi tháng đến ngày mồng một và rằm thiết lễ Phật và thỉnh thầy giảng đạo để cho các hội viên đồng học, đồng tu; Cốt để giúp thiện nam và tín nữ được hiểu rõ chánh giáo của Phật" (3). Ban Chứng minh Đạo sư của Hội gồm Quốc sư Phước Huệ, Hòa thượng Huệ Giác, Giác Tiên, Giác Nhiên, Tịnh Hạnh. Ban Trị sự gồm: Hội trưởng là cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Hội phó Lê Quang Thiết, Thư kí Lê Quang Phước cùng phó là Hoàng Xuân Ba, Thủ quỹ Trương Xướng cùng phó là Tôn Thất Quyền, Kiểm soát Trương Xướng, Lê Thanh Cảnh, Lê Quang Túc, Tôn Thất Tùng, Lê Bá Ý. Hội viên Danh dự là vua Bảo Đại cùng Tam tôn cung nữ và Khâm sứ Trung Kỳ. Ngày 30-6-1933, Nguyệt san *Viên Âm* - cơ quan ngôn luận của Hội được Toàn quyền Antoine Pasquier cho phép xuất bản theo Nghị định số 2009/P3. Tòa soạn đặt tại số 13, đường Champeau (nay là đường Hà Nội), Thành phố Huế. Số đầu tiên ra mắt vào ngày 1-12-1933.

Cùng với Huế, ngày 14-5-1935, Khâm sứ Graffeuil phê chuẩn Nghị định số 1057, cho phép Hội Phật học Đà Thành thành lập. Trụ sở đóng tại chùa Phổ Thiên, đường Marc Pourpe, Đà Nẵng. Mục đích ra đời của Hội là "mở trường Phật học đào tạo nhân tài, ra báo chí lưu thông Phật giáo... Chỉnh đốn quy củ trong các sơn môn, kẻ lớn tuổi thì lo giữ tu hành, trẻ tuổi thời cố gắng học hỏi, chung nhau một lòng, một sức xuất gia" (4). Điểm đặc biệt trong cơ cấu tổ chức của Hội chính là có sự tham gia của các bậc tôn túc, các cư sĩ ở khắp các tỉnh Trung Kỳ và trong đó có cả các đại diện của Phật giáo Nghệ An, Hà Tĩnh.

Đối với Ban Chứng minh gồm Hòa thượng Huệ Giác, Tâm Khoan, Huệ Minh, Huệ Đường, Giác Viên (Huế); Đại sư Minh Lung, Trần Văn Hoán (Nghệ Tĩnh); Đại sư Mặc Túc, Viên Hải (Thanh Hóa); Hòa thượng Chí Bảo, Viên Minh, Chí Thạnh, Chánh Nhơn, Chí Mẫn (Bình Định); Hòa thượng Pháp Ngữ (Phú Yên); Hòa thượng Thiện Quang, Phước Huệ (Khánh Hòa); Hòa thượng Huệ Đạo (Ninh Thuận); Hòa thượng Hoằng Thạc, Diệu Quang (Quảng Ngãi).

Ban Hộ niệm gồm Hòa thượng Thanh Tuyền, Thanh Vinh (Thanh Hóa); Trần Thanh Duyện, Phạm Thanh Tư (Nghệ An); Thanh Liên (Hà Tĩnh); Tứ Thông, Tứ Ý, Tứ Trí (Quảng Bình); Giác Thổ, Từ Nhơn (Quảng Trị); Phổ Tịnh, Đắc Quang, Hưng Nghĩa (Huế); Trí Hưng, Diệu Nguyên (Quảng Ngãi); Hoằng Thông, Huệ Chiếu (Bình Định); Nguyên Quế, Từ Pháp (Phú Yên); Tín Thành, Chơn Nguyên (Khánh Hòa); Bảo Hiền, Trí Thắng (Ninh Thuận); Phước Quang, Phước Nhân (Bình Thuận) (5).

Ngày 15-1-1937, Tạp chí *Tam Bảo* cơ quan ngôn luận của Hội Phật học Đà Thành được Khâm sứ Graffeuil cho phép xuất bản. Tòa soạn đặt tại số 59, đường

Marc Pourpe. Chủ bút là Hòa thượng Trí Hải (chùa Bích Liên, Bình Định), Phó Chủ bút là Hòa thượng Giác Chánh (chùa Giác Phong, Quảng Trị), Chủ nhiệm Tòa soạn là Trần Văn Uyển và Quản lý là Trần Tư.

Sự ra đời của Hội An Nam Phật học và Hội Phật học Đà Thành nhanh chóng tác động đến tâm thức của nhiều tăng ni, phật tử ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Rất nhiều phật tử ở Nghệ An, Hà Tĩnh với lòng mộ đạo đã trực tiếp, gián tiếp ủng hộ cho phong trào. Ngoài các khoản tài chính ủng hộ trực tiếp, các tăng ni, phật tử còn tham gia làm hội viên của Hội An Nam Phật học và Hội Phật học Đà Thành cũng như thường xuyên đặt mua kinh sách, báo chí do các tổ chức này xuất bản. Tuy nhiên, trong bối cảnh của các phong trào yêu nước đang lên cao ở vùng đất Nghệ - Tĩnh thì việc vận động để tiến tới thành lập một hội đoàn Phật giáo sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Chính quyền thuộc địa Pháp vì nghi ngại các tổ chức tôn giáo sẽ mang màu sắc chính trị nên đã giám sát rất chặt chẽ đời sống sinh hoạt của tăng ni, phật tử. Những người tu hành chân chính buộc phải có giấy "chứng nhận" thầy chùa nếu không sẽ bị buộc hoàn tục để tham gia vào các nghĩa vụ do chính quyền thuộc địa quy định. Để tháo gỡ khó khăn này, các tăng sĩ ở Nghệ An, Hà Tĩnh đã thực hiện đồng thời hai giải pháp:

Thứ nhất, nhờ các cư sĩ, trí thức có vị thế trong xã hội tác động đến chính quyền thuộc địa. Ở Nghệ An lúc này có Nguyễn Khoa Kỵ (Tổng đốc), Nguyễn Phiên (Bố Chánh), Hà Xuân Hai (Án sát), Bùi Khắc Minh (chủ công ty vận tải đường bộ Minh Tâm) Tôn Thất Khâm (hoàng tộc), Ưng Thai (cán bộ Nha Thương chính), Tiến sĩ Hán học Đinh Văn Chấp (Tham tri Bộ Kinh Tế). Hà Tĩnh có Hà Thúc Tuấn (Tuần phủ), Đặng Cao Đệ (Bố chánh), Tôn Thất Côn (Tham tá), Kiều Hữu Hy (Án sát), Hoàng Văn Ngôn (Lãnh binh), Hà Huy Ba (Thư ký hạng hai Văn phòng Khâm sứ Trung Kỳ).

Thứ hai, thông qua hành lang pháp lý của Hội An Nam Phật học để tiến tới xin thành lập Hội. Cùng thời điểm này, Hội An Nam Phật học được chính quyền thuộc địa Pháp phê duyệt cho phép mở rộng phạm vi hoạt động ra các tỉnh thành Trung Kỳ. Đây chính là cơ duyên thuận lợi để Phật giáo Nghệ An, Hà Tĩnh chuyển mình qua công cuộc chấn hưng.

Các bước thăm dò, bàn định kế hoạch thành lập Tỉnh hội Nghệ An được thực hiện từ cuối năm 1936. Tuy nhiên phải đến tháng 11-1938, chính quyền thuộc địa mới phê duyệt cho phép Hội An Nam Phật học thành lập Tỉnh hội tại chùa Diệc Cổ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cơ cấu tổ chức ban đầu của Tỉnh hội chỉ gồm 5 người do cư sĩ Bùi Khắc Minh đảm nhiệm. Đến năm 1940, tình hình của Tỉnh hội bắt đầu có sự thay đổi. Số lượng hội viên tăng lên hơn 100 người và cạnh đó là sự hậu thuẫn của 500 tín đồ, Phật tử. Cũng trong năm này, công tác xây dựng Hội quán được khởi công tại chùa chùa Diệc Cổ (đến lễ Phật đản năm 1943 thì khánh thành). Ngày 19-1-1941, thông qua kỳ đại hội thường niên, nhân sự của Tỉnh hội Nghệ An chính thức được kiện toàn. Cụ thể, Hội trưởng Bùi Khắc Minh, Hội phó Đinh Văn Chấp, Thư ký Tôn Thất Khâm cùng phó là Trần Quát, Thủ quỹ Vũ Hưng Long cùng phó là Nguyễn Trí Đạo, Cố vấn là Ưng Thai, Kiểm soát là Phạm Mạnh Hoàng, Bùi Đình Dinh, Đậu Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Diệp, Phạm Quỳnh Anh, Trịnh Đình Minh, phía nữ có: Hường Minh, Lê Thị Đạm Tú, Nguyễn Thị Cẩm, Hoàng Thị Ba (6).

Ở Hà Tĩnh, từ năm 1936, Hội An Nam Phật học đã cử Hòa thượng Thích Mật Thể ra thuyết giảng Phật pháp, đồng thời tìm cách gây dựng cơ sở tại địa phương này.

Đến tháng 8-1940, dựa theo ký kiến của các ban viên và các Phật tử ở xứ Nghệ, Tổng Trị sự Hội An Nam Phật học chính thức có văn bản gửi Khâm sứ François Grandjean về việc xin thành lập tỉnh hội tại Hà Tĩnh (7). Để chuẩn bị sẵn sàng cho tỉnh hội đi vào hoạt động, cư sĩ Hoàng Văn Ngôn tích cực vận động tài chính và quy tập hội viên. Ngay tại huyện Hương Sơn, có trên 100 Phật tử viết đơn xin gia nhập tỉnh hội và thậm chí còn yêu cầu được thành lập 1 chi hội tại vùng đất này để tiện sinh hoạt (8). Đầu năm 1941, Khâm sứ François Grandjean phê chuẩn đơn thư, cho phép Hội An Nam Phật học thành lập Tỉnh hội tại Hà Tĩnh. Ngày 23-3-1941, Tỉnh hội Hà Tĩnh nhóm họp tại chùa Võ Miếu (nay thuộc Thành phố Hà Tĩnh) và bầu ra Ban Trị sự như sau: Hội trưởng Hoàng Văn Ngôn, Hội phó Hà Huy Ba, Thư ký Phan Bình An, Thủ quỹ Hoàng Nghi Lục, Kiểm soát Kiều Quyên, Phan Văn Tuyên, Nguyễn Văn Vây, Nguyễn Hữu Yêm, Phan Xuân Lai, Dương Ngọc Cư. Hòa thượng Thích Tinh Cần (tục danh Hà Thế Hanh, nguyên quán Quảng Bình) được mời làm Chứng minh Đạo sư cho Tỉnh hội.

Theo quy định của chính quyền thuộc địa, tăng ni, Phật tử tại Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ sinh hoạt dựa theo các điều khoản đã được quy định trong bản điều lệ, quy tắc của Hội An Nam Phật học. Bản điều lệ và quy tắc này được Khâm sứ Graffeuil phê chuẩn qua Nghị định số 2159, ngày 15-7-1938. Theo đó, quy cách hoạt động của Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ được thực hiện như sau:

Về mục đích thành lập của Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh là để tu trì và hoằng dương Phật pháp. Để thực hiện được mục đích này, Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ thực hiện các nhiệm vụ như: Tổ chức các nghi lễ đạo tràng cho hội viên hành lễ; các buổi thuyết pháp, các lớp học để hội viên nắm rõ tinh thần Phật pháp và thực hành theo đúng giáo lý, giới luật đã quy định. Đào tạo các tăng sĩ có đủ phẩm hạnh, năng lực để hoằng dương Phật pháp. Kiến lập các ngôi chùa kiểu mẫu để làm nơi sinh hoạt Phật pháp. Thành lập thư viện, dịch thuật kinh sách, xuất bản báo chí chuyên về Phật giáo. Giúp đỡ và khuyến khích hội viên cùng nhau tinh tấn tu tập. Tổ chức các buổi từ thiện giúp đỡ dân nghèo. Hội viên của tỉnh Hội không được bàn luận chuyện chính trị cũng như không được công kích các tôn giáo khác.

Tỉnh hội Nghệ An và Hà Tĩnh có các nhóm hội viên sau: Sáng lập, tăng già, ân nghĩa, táng trợ, thiệt hành, thiện tín, tùy hỷ vĩnh viễn và tùy hỷ. Khi đã tham gia vào Tỉnh hội thì cũng đồng nghĩa là trở thành hội viên chung của Hội An Nam Phật học. Muốn tham gia vào Tỉnh hội phải có ít nhất 1 hội viên giới thiệu, phải làm đơn và trong đó nêu rõ đã nắm vững điều lệ, quy tắc của hội. Riêng đối với nữ giới nếu đã có gia đình thì phải có ý kiến đồng thuận của chồng. Sau khi xem xét đơn, nếu đáp ứng đầy đủ yêu cầu Ban Trị sự Tỉnh hội sẽ thông qua. Trong quá trình sinh hoạt, nếu hội viên vi phạm quá nghiêm trọng các điều khoản đã quy ước trong điều lệ, quy tắc, vi phạm hình sự hoặc quá 3 tháng nhưng không đóng tiền hội phí sẽ bị Tỉnh hội trục xuất ra khỏi hội.

Về cơ cấu tổ chức, Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh chia làm 3 ban là: Ban Chứng minh Đạo sư, Ban Trị sự và Ban Danh dự.

Ban Chứng minh Đạo sư gồm từ 3 đến 10 vị tăng già. Các thành viên trong Ban được bầu chọn dựa theo các kỳ đại hội đồng thường niên của Tỉnh hội. Muốn tham gia vào Ban phải đáp ứng các điều kiện như, có độ tuổi ít nhất từ 40 trở lên, được tăng chúng trong vùng công nhận là có đức

hạnh, có học vấn. Sau khi bầu cử được Ban Chứng minh, Tỉnh hội phải gửi kết quả về Hội An Nam Phật học chuẩn y mới được xem là có giá trị. Ban Chứng minh Đạo sư có trách nhiệm hướng dẫn, định hướng cách thức tu tập, hành trì cho hội viên; giám sát việc thực thi giới luật trong tăng chúng; phê duyệt hoặc bác bỏ các hoạt động Phật sự do Tỉnh hội đề đạt; chứng minh các kỳ đại hội. Ban Chứng minh của Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh cũng được quyền cử người tham gia vào Tổng Trị sự và Ban Chứng minh Đạo sư của Hội An Nam Phật học theo điều kiện: Phải có độ tuổi từ 50 trở lên, giới hạnh tinh nghiêm, dày công tu trì. Các yêu cầu này phải được Tỉnh hội và các hội viên sở tại chứng thực mới đáp ứng đúng quy định.

Ban Trị sự Tỉnh hội gồm 10 đến 18 cư sĩ, theo cơ cấu có 1 Tỉnh hội trưởng, 1 phó Tỉnh hội, 1 Cố vấn Đạo hạnh, 1 Cố vấn Trị sự, 1 Thư ký cùng 1 phó, 1 Thủ quỹ cùng 1 phó, 2 đến 10 Kiểm soát viên. Tỉnh hội trưởng đại diện cho Hội An Nam Phật học giám sát việc thực hành điều lệ, quy tắc trong Tỉnh hội; quản lý hội viên, triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động của Tỉnh hội; kiểm duyệt bài vở của các giảng sư trước khi thuyết pháp; chủ tọa các kỳ đại hội thường niên. Tỉnh Hội trưởng được quyền ứng cử vào Tổng hội An Nam Phật học. Phó Tỉnh hội sẽ thay thế chức trách của Tỉnh hội trưởng khi ông này vắng mặt. Cố vấn Đạo hạnh được lựa chọn từ trong Ban Chứng minh Đạo sư và có trách nhiệm hỗ trợ Ban Trị sự giải quyết các vấn đề liên quan đến Phật pháp. Cố vấn Trị sự sẽ tham mưu, tư vấn đường hướng, cách thức hoạt động cho Tỉnh hội. Thư ký lập biên bản trong các kỳ họp, soạn văn bản báo cáo hàng tháng gửi Hội quán trung ương, tiếp nhận, phản hồi thư tín từ các nơi. Phó Thư ký ngoài việc hỗ trợ cho Thư ký còn có trách nhiệm kiểm đếm các hội viên gia nhập hoặc xin rời hội. Thủ quỹ quản lý tài chính của Hội. Kiểm soát bảo đảm sự kết nối giữa các ban trong Tỉnh hội, giữa các hội viên; duy trì tình hình an ninh trật tự; tiếp rước và tổ chức các lễ trai đàn. Mỗi khi Ban Trị sự đột ngột thiếu hụt nhân sự thì các ban viên được quyền cử người thay thế. Riêng nếu thiếu Tỉnh hội Trưởng thì phải triệu tập toàn thể hội viên trong Tỉnh hội để cùng nhau suy cử chứ không cần phải đợi đến kỳ đại hội. Các quyết định của Ban Trị sự Tỉnh hội chỉ được thông qua khi nhận được ý kiến chấp nhận của đa số hội viên. Ban Trị sự Tỉnh hội có thể lập thêm các tiểu ban để chăm lo công việc và phải chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động của các ban này. Hàng tháng, Ban Trị sự Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh đều phải có văn bản báo cáo gửi Tổng hội An Nam Phật học về tình hình hoạt động, các khoản thu chi, các hội viên xin gia nhập hoặc rời hội. Cuối mỗi năm, Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh cũng phải gửi văn bản báo cáo tổng kết đến Hội An Nam Phật học để có căn cứ cho kỳ đại hội thường niên toàn khu vực.

Ban Danh dự với sự tham gia của các bậc ân nhân đã giúp đỡ cho Tỉnh hội trong quá trình thành lập và các quan chức người Pháp lẫn người Việt. Ngoài ra, ở mỗi tỉnh sẽ thành lập thêm một Tổng hội đồng để giải quyết các công việc có tính chất toàn vùng như: Thông báo các kỳ đại hội, chuyển tải đường hướng chấn hưng từ Hội quán trung ương, thẩm định ngân sách thu chi của các Tỉnh hội; phê duyệt các hạng mục như xây dựng Phật học đường, thư viện...

Về ngân sách, các khoản thu của Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh gồm tiền xin vào hội, tiền hội phí, tiền cúng dường, tiền phụ cấp, lợi tức từ tài sản của Tỉnh hội, tiền quyên góp từ các hội viên (khi cần thiết). Về chi tiêu gồm, các khoản phụ phí thường niên

theo quy định của Hội An Nam Phật học; tiền chi cho các hoạt động của Tỉnh hội như sửa chữa hội quán, trùng tu chùa chiền, xây dựng Phật học đường, thư viện, mời giảng sư thuyết pháp, in ấn kinh sách, mua báo, tạp chí... Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh được toàn quyền quản lý các khoản ngân sách trong hội. Tuy nhiên, không được tự ý ký kết các bản cam kết vay mượn, cầm cố tài sản khi chưa được Tổng hội phê duyệt. Nếu vi phạm Tỉnh hội phải chịu trách nhiệm. Các khoản chi tiêu từ 10-99 piastres sẽ được Ban Trị sự Tỉnh hội duyệt y, nếu trên 100 piastres thì phải được sự đồng thuận của toàn thể hội viên. Thủ quỹ chỉ được lưu trong ngân khố không quá 100 piastres, số dư ra phải lấy danh nghĩa của Tỉnh hội để gửi vào kho bạc.

Về đại hội, hàng năm, Tỉnh hội Trưởng Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ triệu tập đại hội một lần vào cuối năm để bầu cử Ban Chứng minh Đạo sư và Ban Trị sự cũng như đánh giá tình hình hoạt động trong năm qua và đề xuất phương hướng cho năm tới. Các bậc hội viên sáng lập, tăng già, ân nghĩa, táng trợ, thiệt hành có đầy đủ quyền bầu cử, ứng cử, đề đạt ý kiến. Còn với bậc thiện tín, tùy hỷ vĩnh viễn hay tùy hỷ chỉ được nêu ý kiến, không được bầu cử, ứng cử. Khi có công việc đột xuất, Tỉnh hội trưởng có quyền triệu tập đại hội bất thường để xử lý. Để tổ chức đại hội thường niên, Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh phải báo đến quan chức sở tại các thông tin cần thiết (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, nội dung...). Giấy mời phải gửi đến các hội viên và đại biểu ít nhất là trước 3 ngày. Các ý kiến nêu ra tại kỳ đại hội phải được cụ thể hóa bằng biên bản sau đó gửi Tổng Trị sự Hội An Nam Phật học phê duyệt. Biên bản này cũng buộc phải sao lưu để gửi cho chính quyền địa phương. Sau một tuần đại hội, nếu Tổng Trị sự Hội An Nam Phật học không nhận được đơn thư khiếu nại từ phía hội viên của Tỉnh hội thì sẽ đồng ý phê duyệt và thông qua.

Về Quy tắc sinh hoạt của Tỉnh hội Nghệ An, Hà Tĩnh gồm 17 điều khoản. Nội dung chủ yếu là quy định cách thức sinh hoạt của các hội viên như: Ngày rằm, mồng một, lễ vía các hội viên phải đến hội quán để lễ Phật và tụng niệm; phải tham dự các buổi thuyết pháp; phải giữ gìn giới luật; phải ăn chay ít nhất là ngày rằm, ngày 1 và các ngày vía lớn. Đến chùa phải ăn mặc chỉnh tề; trong khi giảng dạy, thuyết pháp, đọc diễn văn, các hội viên phải giữ trật tự để lắng nghe... Quy định thành phần tham gia, hình thức xử phạt hội viên nếu vi phạm như: "Hội viên xét không làm rõ bổn phận đã kể rõ trong các điều trên sẽ bị Ban Trị sự trách thiện và có thể bắt sám hối trước bàn Phật"; "Hội viên cứ phạm mãi quy tắc, không kể những lời trách quở và không chịu sám hối sẽ xem như bị lỗi nặng và có thể bị biệt xuất ra ngoài Hội (điều 11)" (9)...

2. Quá trình ra đời và quy cách hoạt động của Hội Thiện sinh Trung Kỳ

2.1. Quá trình ra đời của Hội Thiện sinh Trung Kỳ

Cùng với hoạt động chấn hưng Phật giáo, từ năm 1942, các tăng ni, Phật tử ở Nghệ An, Hà Tĩnh đã đứng ra vận động thành lập một tổ chức mới. Ngày 3-6-1942, Giám đốc Thanh niên Đông Pháp là Ducoroy ký Nghị định số 1184-CGSJ, công nhận Hội Thiện sinh Trung Kỳ là một chi nhánh của Hiệp hội Thanh niên Đông Pháp, sinh hoạt dựa trên nền tảng Phật pháp. Đến ngày 8-6-1943, Khâm sứ François Grandjean phê chuẩn Nghị định số 1972, cho phép Hội Thiện sinh Trung Kỳ đi vào hoạt động. Trụ sở chính của Hội đặt tại chùa Diệc Cổ và một chi nhánh đặt tại chùa Phật học Hà Tĩnh. Hội trưởng là sư cụ Kim Chương.

Chứng minh là Hòa thượng Ái Liên, cùng sự tham gia tích cực của cư sĩ Trừng Mẫn và bà Huỳnh Bá Dưỡng.

Mục đích ra đời của Hội là để giáo dục cho tín đồ nhà Phật sinh hoạt theo đúng những lời giáo huấn trong kinh, luật, luận. Từ đó, giúp cha con, vợ chồng, anh chị em, bạn bè, chủ tớ, thầy trò làm tròn bổn phận của mình. Đồng thời, phát triển thêm các kĩ năng về thể dục, trí dục, nghệ dục, đức dục lẫn tín dục. Thể dục là rèn luyện thân thể cường tráng, có đủ sức khỏe để học tập, lao động; Nghệ dục là định hướng các nghề nghiệp nhằm giúp cho Thiện sinh duy trì, phát triển cuộc sống cũng như báo đáp tứ ân; Trí dục là khai sáng trí tuệ cho mình, cho người; Đức dục là hình thành một nhân cách, một lối sống cao đẹp, biết từ bỏ những ham muốn đời thường, biết phá bỏ những chướng ngại, rào cản trên con đường tu tập để giữ vững tâm thân; Tín dục là quyết tâm một lòng đi theo con đường chánh đạo.

Sống đúng theo giới luật chính là gốc rễ của Thiện sinh vừa là phương châm hành động của Hội.

Bản điều lệ hoạt động của Hội được Khâm sứ François Grandjean thông qua vào năm 1943. Ngoài các điều khoản quy định về danh xưng, vị trí hội quán, bản điều lệ còn cho biết thời gian tồn tại của Hội là vĩnh viễn. Về phạm vi hoạt động, ngoài Nghệ An, Hà Tĩnh, Hội còn được phép mở rộng chi nhánh đến các tỉnh thành Trung Kỳ và thậm chí là Bắc Kỳ. Chi nhánh ở các địa phương này cũng sẽ sinh hoạt dựa trên điều lệ, chương trình và các quy ước do Hội Thiện sinh quy định.

Về hội viên của Hội gồm: 1/ Hội viên Danh dự là những người quyền cao, đức trọng hoặc có điều kiện về kinh tế, có thể giúp cho Hội được hưng thịnh. 2/ Hội viên Giới tử là hàng tứ chúng đã thọ tam quy, ngũ giới. Những người này muốn tham gia vào Hội phải làm đơn và được hai vị Giới tử (đã vào Hội) giới thiệu. Tuy không phải đóng tiền hội phí nhưng những người này phải giúp đỡ (không lương) cho Hội trong các công việc chung. 3/ Hội viên Ân nghĩa là những người mỗi năm đóng góp 20 đồng hội phí. 4/ Hội viên Bảo trợ là những người mỗi năm đóng góp 5 đồng hội phí hoặc có 10 năm giảng dạy công ích cho Hội. 5/ Hội viên Hành động là những người học tập và thực hành các chương trình giáo dục thiện sinh mà Hội đã quy định. Các hội viên này mỗi năm sẽ đóng 1 đồng tiền bảo hiểm (những người dưới 15 tuổi thì chỉ đóng 5 cắc). 6/ Hội viên Hỷ nguyện là những người chỉ tham gia một số chương trình đào tạo của Hội và cũng phải đóng tiền bảo hiểm như các hội viên hành động.

Muốn tham gia làm hội viên thì phải làm đơn gửi Hội trưởng, trong đó nêu rõ cam kết là sẽ tuân thủ pháp luật nhà nước, giới luật nhà Phật và các điều khoản mà bản điều lệ đã quy định. Riêng đối với trẻ em và phụ nữ thì phải có thêm sự đồng ý của cha, mẹ (hoặc người đỡ đầu) hay chồng. Muốn rời khỏi Hội thì làm đơn gửi Hội trưởng và phải hoàn trả đầy đủ các khoản kinh phí còn thiếu. Các khoản tiền đã đóng góp không được đòi lại. Các trường hợp vi phạm điều lệ hoặc không đóng đầy đủ các khoản chi phí mà Hội quy định sẽ bị xóa tên khỏi danh sách.

Hội viên tham gia vào Hội sẽ được hưởng các quyền lợi như: Được Hội cử người đến nhà tụng kinh trong các ngày lễ hiếu, kị, tang tế mà không phải đóng tiền lệ phí. Được tham gia học tập miễn phí, được tự do ra vào thư viện đọc kinh sách. Nếu các hội viên hoặc người thân (bố mẹ, anh chị, con cái cả nội lẫn ngoại) của hội viên qua đời, Hội sẽ cử người đến tổ chức tang lễ.

Trong quá trình sinh hoạt, các hội viên không được bàn luận chuyện chính trị cũng như không được công kích các tôn giáo khác. Các hội viên phải tự chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của mình. Các trường hợp vi phạm pháp luật nhà nước, vi phạm giới luật nhà Phật sẽ không được xem là hội viên của Hội.

Về nội dung, phương thức hoạt động, hàng tháng Hội Thiện sinh Trung Kỳ sẽ mở các lớp giảng Phật pháp cho hội viên; tổ chức các ngày lễ hội trong phạm vi của Phật giáo; trùng tu các danh lam, cổ tự đã hư hỏng; xây dựng phòng thuyết pháp, thư viện và lưu trữ các loại kinh sách nói về đạo Phật; xuất bản các loại kinh, sách do hội viên soạn thảo liên quan đến Phật pháp, triết lý, khoa học; xây dựng nhà từ thiện và tổ chức các hoạt động từ thiện.

Chương trình giáo dục thiện sinh của Hội sẽ được triển khai dựa theo hệ thống giáo lí, kinh sách của Phật giáo như: Kinh Lăng nghiêm, Hoa nghiêm, Pháp hoa, A Hàm, Phụ mẫu báo ân trọng kinh, Đạo đức Thánh quan đế kinh, luân hồi giải luận, Khoa học với Phật pháp (10).

Theo Hội, Thiện là tiếng Phật thường dùng để gọi các hàng đệ tử trong kinh chữ Hán (thiện lai tỉ kheo, thiện nam tín nữ, thiện hữu...), thiện còn là tên gọi của các pháp môn (thiện tập, thiện hành, thiện sư, thiện pháp, thiện đạo...). Sinh nghĩa là quả còn tươi, chưa chín mà khi quả đã chín tức là đã thành Phật. Thiện sinh có nghĩa là tất cả các hàng đệ tử Phật, là thập phương đại chúng (11). Hội Phật giáo Bắc Kỳ giải thích thêm rằng: "Thiện sinh nghĩa là sống ở đời luôn được tốt lành nên nhà Phật đã lấy chữ ấy mà đặt tên cho người con của ông trưởng giả và lấy làm nhan đề cho quyển kinh chuyên nói về luân lý, thực hành, dạy con người cách ở đời như thế nào là phải đạo. Nửa trên nói về bản thân luân lý, định rõ cái phương pháp người ta phải theo mà giữ mình và sửa mình cho thành người tốt, người lành ở đời. Nửa dưới nói về xã hội luân lý, định rõ cái đạo làm cha con, làm thầy trò, làm vợ chồng, làm người tôi tớ và đối với những bậc đạo đức tôn quý trong xã hội" (12).

Năm 1945, do những biến động chung của thời cuộc nên Hội Thiện sinh Trung Kỳ đã buộc phải chấm dứt các chương trình hành động của mình. Thời gian này, rất nhiều Phật tử trẻ tuổi có tên trong Hội đã tham gia vào các phong trào đấu tranh giành chính quyền. Ngoài vai trò là địa chỉ đỏ cho các Phật tử, trí thức yêu nước tham gia sinh hoạt thì chùa Diệc Cổ hay chùa Phật học còn là nơi cứu trợ các đồng bào, chiến sĩ bị thương do bom đạn (13). Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày 22-4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 52, về việc tổ chức các đoàn thể. Trên tinh thần đó, ngày 3-7-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Huỳnh Thúc Kháng kí Nghị định cho phép Hội đi vào hoạt động trở lại. Lần này, Hội đổi tên thành Hội Thiện sinh Trung Bộ Việt Nam (14).

Rất tiếc là chúng tôi chưa có đủ các nguồn tài liệu để đề cập đầy đủ hơn về các thông tin hoạt động của Hội từ sau năm 1945. Tuy nhiên có thể thấy rằng, Hội Thiện sinh Trung Kỳ chịu ảnh hưởng bởi các tổ chức Hướng đạo và nhất là chủ trương đưa đạo Phật vào đời sống trẻ do Hội An Nam Phật học phát động. Bên cạnh đó, quá trình hoạt động của Hội còn chịu ảnh hưởng bởi các tổ chức Phật giáo đương thời. Chẳng hạn như bản "Kinh Thiện sinh" của Hội Phật giáo Bắc Kỳ (ấn hành vào năm 1935) được Hội xem là kim chỉ nam trong quá trình đào tạo kiến thức Phật học cho các thiện sinh. Hay đối với

Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, các tác phẩm dịch thuật của Hòa thượng Bích Liên, Liên Tôn đăng trên Tạp chí *Từ Bi Âm* đã được Hội khai thác nhằm đào tạo và huấn luyện cho các thiện sinh.

2.2 Quy cách hoạt động của Hội Thiện sinh Trung Kỳ

Hội Thiện sinh Trung Kỳ ra đời ngoài vai trò là chăm lo đời sống tinh thần cho các hội viên, giúp họ trở thành những người Phật tử chân chính thì còn có một vai trò rất quan trọng là giáo dục và đào tạo cho các thế hệ trẻ. Và để đạt đến mục tiêu này, Hội đã thành lập các Ban Thiện sinh, xây dựng các chương trình đào tạo và phát hành rộng rãi các kinh sách nói về đạo Phật. Đây cũng chính là những hoạt động giữ vai trò chủ đạo mà Hội đã triển khai trong suốt thời gian từ năm 1943 đến năm 1945.

Theo đó, các Ban Thiện sinh được Hội tổ chức như sau: Trên hết là các bậc Thiện sư (chư Phật cùng các Pháp bảo) và Thiện sĩ (Bồ Tát) họ là các bậc chí tôn mà Ban Thiện sinh cũng như Hội Thiện sinh sẽ tôn thờ. Còn bên trong mỗi Ban Thiện sinh sẽ được tổ chức gồm: 1/ Thượng Thiện nhân là các chư tăng, đại đức, cư sĩ có đủ tài trí, đức hạnh để tham gia gánh vác các công việc trong Ban và trong Hội. Thượng Thiện nhân giữ vai trò là chứng minh, bảo trợ hậu học và đạo học ở các lớp, đồng thời, tham gia diễn giảng, khảo cứu và phiên dịch kinh sách. 2/ Bỏ và Trưởng đứng đầu các nhóm thiện sinh. Dưới sự định hướng của Thượng Thiện nhân, các Bỏ và Trưởng sẽ tổ chức các khóa huấn luyện, nghiên cứu và diễn giảng kinh sách cho các em. Bỏ phải là những người đủ tài, đủ trí, đủ tâm để làm gương cho các thiện sinh. Muốn giữ được cương vị Bỏ thì phải trải qua một quá trình tập sự để hoàn thiện các kĩ năng cần thiết. Phải làm phó Bỏ ở các Hồ, Môn, Phái một thời gian. Sau đó, các phó Bỏ sẽ tách ra để thành lập các Ban Thiện sinh nhỏ rồi từ đó, tùy theo năng lực của mình để gây dựng lên thành các ban lớn. Các Bỏ có quyền lựa chọn các vị phó phù hợp với yêu cầu của mình. Cứ đủ 30 thiện sinh thì phải có 1 Bỏ cùng 2 phó. "Bỏ và phó phải thương yêu, quý trọng nhau trong công việc. Bỏ tôn quý phó, phó tôn quý Bỏ, tự khắc các em sẽ thương mến và đoàn kết lẫn nhau. Bỏ và phó phải thường xuyên thay mặt nhau đi thăm hỏi phụ huynh, thầy cô để nắm bắt thêm thông tin và từ đó xây dựng được các chương trình hành động phù hợp với tâm lí, lứa tuổi của các thiện sinh" (15). Trưởng là các thiện sinh có tính cách hòa đồng, luôn làm tròn bổn phận và các công việc được giao. Trưởng sẽ đứng trung gian giữa Bỏ và các thiện sinh. Có trách nhiệm hướng dẫn cho các thiện sinh trong các hoạt động học tập lẫn thực hành. Cứ đủ 10 thiện sinh sẽ có một Trưởng và một Thứ. Thứ là người hỗ trợ cho Trưởng trong các công việc và có đủ khả năng thay thế vị trí của Trưởng trong tương lai. 3/ Hậu thiện là các thiện sinh có độ tuổi từ 21 đến 30. 4/ Trung thiện là các thiện sinh có độ tuổi từ 16 đến 20. 5/ Sơ thiện là các thiện sinh có độ tuổi từ 7 đến 15. 6/Hạ thiện là từ lúc còn trong bụng mẹ đến 6 tuổi. Các bậc Sơ, Trung, Hậu thiện sẽ tham gia vào tất cả các lớp học và các khóa huấn luyện do Hội tổ chức. 7/ Hỷ nguyện là những người không tham gia sinh hoạt toàn thời gian mà chỉ thực hiện một số chương trình nào đó của Hội. 8/ Tùy hỷ là những người đồng thuận với chương trình hoạt động của Hội nhưng không tham gia. 9/ Thế gian, bao gồm tất cả các chúng sinh. Hội cho rằng, bất cứ ai cũng có Phật tính nên đều được xem là thiện sinh cả. 10/ Đẳng loại là các loại động vật, cỏ cây có tâm tính (16).

Ở các địa phương nếu có đủ người tham gia sẽ thành lập một Ban Thiện sinh. Ban này gồm có: Tứ chúng tức là chư tăng (các

vị sư), các giới tử, chư vị ân nhân, bảo trợ, tùy hỷ. Mỗi ban có thể chia làm nhiều Phái, Môn, Hồ. Mỗi Phái sẽ có 30 thiện sinh thuộc bậc Hậu thiện (nếu nhiều hơn thì phải lập Phái mới). Trong Phái có ba Chi. Mỗi Môn sẽ có 30 thiện sinh thuộc bậc Trung thiện (nếu nhiều hơn thì phải lập Môn mới). Trong mỗi Môn sẽ có 3 Liêu (Môn tức là sơn môn, Liêu tức là tăng phòng, mỗi Liêu gồm có 10 người). Mỗi Hồ sẽ có 30 thiện sinh thuộc bậc Sơ thiện (nhiều người hơn cũng phải lập Hồ mới). Trong mỗi Hồ có ba Bầu là xanh, trắng, đỏ. Muốn lập một Ban Thiện sinh thì phải căn cứ dựa theo các điều khoản đã quy định trong bản điều lệ. Muốn lập các Phái, Môn, Hồ hay Chi thì phải căn cứ vào tình hình thực tiễn của Ban Thiện sinh ở các địa phương.

Về châm ngôn của Ban Thiện sinh là "Lạc", có nghĩa là vui vẻ. Lạc cả trong tâm trí lẫn thể xác, lạc cả chúng sinh lẫn muôn loài. Bậc Sơ thiện sử dụng châm ngôn là "Vui", bậc Trung thiện là "Tận tâm", còn bậc Hậu thiện là "Giúp ích". "Bổn phận của bậc Sơ thiện là luôn luôn kính yêu cha mẹ, làm cho cha mẹ vui lòng, bớt các mối lo lắng về con cái. Bổn phận của Trung thiện là phải cố gắng học hành để thành con ngoan trò giỏi, sẵn sàng giúp ích cho gia đình, xã hội và thỏa lòng ước vọng của thầy cô, bạn bè, mẹ cha. Bổn phận của Hậu thiện là phải phát huy tài đức để gây dựng công danh cho gia đình, xã tắc. Chung quy lại, làm tròn bổn phận tức là con đường thiện sinh mà Đức Phật Thích Ca đã dạy" (17).

Về điều luật: Đã là một thiện sinh thì phải nghiêm trì giới luật; biết vâng lời, luôn từ bi, hỉ xả; luôn bác ái, đơn sơ, mộc mạc trong mọi việc; luôn biết cách xây dựng môi trường sống thân thiện, không ngại khó, ngại khổ; luôn lễ phép, lịch sự và thật thà trong lời nói, việc làm; luôn luôn cần kiệm. Riêng đối với các bậc Thượng Thiện nhân sẽ thực hành theo đúng giáo pháp của nhà Phật. Bậc Trung và Hậu thiện phải hành trì thêm giới luật tì ni (Tam quy, ngũ giới, lục độ, bát chánh...). Đối với bậc Hỷ nguyện thì phải biết quý trọng tình đoàn kết, trung thành với Phật pháp; luôn biết cách giúp đỡ mọi người, mọi loài; trong cuộc sống thì cần kiệm, lễ phép, lịch sự, tinh tấn, nỗ lực và vững chí. Các thiện sinh bậc Hỷ nguyện sẽ tùy theo công sức, thời gian của mình để tham gia giúp đỡ cho Hội trong các công việc như: Giữ gìn an ninh trật tự, bố thí cho những người khó khăn, thúc đẩy công cuộc hoằng dương Phật pháp, tổ chức các buổi giảng thuyết về đạo Phật (18).

Về cách thức chào hỏi: Khi chào những người ngoài Hội, ngoài Ban thì các thiện sinh phải chắp hai tay trước ngực (hợp chưởng cung kính) để biểu thị hạnh Phổ Hiền viên mãn (viên mãn mọi tâm nguyện nhờ thực hành hạnh Phổ Hiền). Mười ngón tay thẳng đứng để biểu thị cho Thập thiện (ba điều lành về thân, bốn điều lành về khẩu và ba điều lành về ý). Tâm luôn mật niệm Nam mô A Di Đà Phật. Nếu người được chào chìa tay ra thì các thiện sinh sẽ bắt tay theo phong cách Âu Tây. Còn nếu không thì không được chủ động bắt tay mà chào theo thể thức đã quy định. Nếu trên tay có cầm kinh sách thì chỉ cần niệm Mô Phật. Đối với trong Ban, trong Hội, khi chào nhau, các Thiện sinh dùng tay phải tạo thành ấn bố thí (ấn Bát nhã Ba La mật đa) trước ngực để chào nhau, còn tay trái để xuôi theo thân thể. Ba ngón tay thẳng đứng tượng trưng cho ngôi Tam bảo: Ngón giữa là Phật, ngón trỏ là Pháp, ngón út là Tăng.

Về huy hiệu của Hội là bông hoa sen. Ba cánh bên trong tượng trưng cho ngôi Tam bảo, Tam hiền, Tam quy, Tam tâm, Tam đức, Tam học, Tam thế, Tam thân... Còn 5 cánh ở ngoài là Ngũ giới, Ngũ minh, Ngũ tâm... Cộng lại thành tám cánh, tức là Bát

chánh, Bát giác. Bậc Sơ, Trung, Hậu và Hỉ nguyện mang phù hiệu bằng vải thêu, còn bậc Tùy hỷ thì mang phù hiệu bằng đồng mạ bạc (tự mình chuẩn bị). Lúc các thiện sinh không mang đồng phục thì phải mang phù hiệu giống Tùy hỷ. Phù hiệu này cũng được làm bằng đồng nhưng không mã bạc.

Toàn Hội sẽ dùng Tràng phan để biểu thị cho sự kiên định, định tĩnh, tự lập. Trên chóp Tràng phan là Bảo cái, tiếp đến là Ba thân, đài sen với 6 cánh (tượng trưng cho Lục độ) (19) và bốn giải (Tứ ân, Tứ đế, Tứ niệm xứ). Trong Ba thân sẽ có dòng chữ "Phật giáo Thiện sinh", tên địa phương và tên các Ban, các Phái, Môn. Bậc Sơ, Trung, Hậu là những người hăng hái hoạt động, phất theo gió pháp nên sẽ dùng thêm cờ cánh xéo.

Đồng phục của Ban Thiện sinh được quy định là áo trắng, quần đen. Trưởng ban Thiện sinh và Trưởng các nhóm sẽ mang áo dài tay. Bậc Sơ, Trung, Hậu và Hỷ nguyện mang quần tây ngắn, màu đen (quần lửng) và áo trắng ngắn tay. Riêng đối với bậc Tùy hỷ thì không có đồng phục riêng.

Về cách thức giáo dục: Từ 6 đến 15 tuổi, đây là độ tuổi chuyên chơi mà học, do đó các chương trình của Hội sẽ hướng đến việc tạo cho các thiện sinh niềm vui và sự yêu thích. Từ 16 đến 20 là lứa tuổi lớn nhanh cả về thể xác lẫn tâm hồn, do đó, chương trình giáo dục của Hội sẽ hướng đến việc giúp các thiện sinh giữ được thăng bằng cả hai yếu tố này. Lứa tuổi này cũng rất nhạy cảm với những lời nói, việc làm của bố mẹ, thầy cô, anh chị em trong nhà nên cần giúp cho các thiện sinh có những người bạn thân để tâm sự, giãi bày nỗi niềm. Từ 21 đến 30 là lứa tuổi sẽ vấp váp phải nhiều vấn đề trong cuộc sống mà các thiện sinh chưa từng trải qua. Do đó, cần giúp cho các thiện sinh trì địa, thực hành ngũ minh, lục độ, bát chánh, hòa mình vào môi trường thiên nhiên để hiểu được vạn vật, cỏ cây, yêu mến chúng sinh, từ bỏ tham, sân, si để xây dựng một cuộc sống tự lập. Ngoài 30 tuổi thì sẽ chuyển sang làm các giới tử, nếu có duyên lành xuất gia thì đã có sẵn những điều kiện thuận lợi (quá trình đào tạo của Hội) để đạt đến bậc thượng tọa, đại đức lên ngôi chánh giác (20).

Chương trình giáo dục của Ban Thiện sinh được Hội chia làm hai phần là phần thực hành và phần chuyên môn.

Bậc Sơ thiện gồm ba cấp theo thứ tự từ thấp tới cao là Sen búp, Sen nở và Sen gương. Phần thực hành của bậc này được Hội cụ thể hóa như sau:

Đối với cấp *Sen búp* là các thiện sinh mới vào Hồ, như sen vừa mới mọc, mới trổ hoa nên học được điều gì sẽ giúp ích điều đó. Chương trình của Sen búp sẽ kéo dài 6 tháng. Các thiện sinh phải đi họp Hồ ít nhất là 6 lần; hiểu được ý nghĩa của tên gọi hoa sen và cách chào các anh chị thiện sinh, sư trưởng, ân nhân, bảo trợ, tùy hỷ; biết luật của bậc hoa sen; biết được châm ngôn vui, lạc; biết một bài hát (chèo thuyền bát nhã) và kinh thiện sinh; biết xem giờ giấc, giặt khăn và gấp quần áo; biết nhảy dây, nhảy lò cò; biết tuân thủ các còi hiệu; biết ăn mặc chỉnh tề.

Đối với cấp *Sen nở,* những người tham gia vào cấp này phải hoàn thiện được chương trình Sen búp. Sau đó, lại qua một quá trình đào tạo, huấn luyện trong vòng 6 tháng và phải đạt được các điều kiện như: Biết lý giải ý nghĩa của các câu châm ngôn cho cấp Sen búp; hiểu được giá trị của lời hứa và đã thực hành giữ lời hứa; hát được 1 ca khúc (Tứ ân) và kể được các câu chuyện về kinh nhân sinh (thuộc phẩm Đối trị); biết vệ sinh chân tay sạch sẽ; biết được 5 cách thắt nút giây và cách sử dụng; biết nhóm

lửa và bày biện thức ăn lên bàn; biết may khuy áo; biết nhảy cao, nhảy xa, chạy nhanh, nhào lộn, đi cầu tre (theo điệu Hébert, ngày nay gọi là Parkour) (21); biết được các phương hướng (đông tây, nam bắc); biết sử ký và một số câu chuyện về đức Phật.

Đối với cấp *Sen gương* sẽ trải qua chương trình đào tạo 1 năm. Trong thời gian này, các thiện sinh phải giúp cho các bạn mới vào hiểu được luật hoa sen, cũng như châm ngôn và lợi ích của sự sống; phải biết cách nhóm lửa, nấu cơm; biết cách nhận dạng và đánh được kiểu chữ Morse; biết thêm 10 cách buộc nút; làm được một việc thủ công có ích; biết gửi điện tín, gửi hàng, gửi thư từ và dùng điện thoại; biết cách dạy các môn thể thao cho các thiện sinh mới vào Hồ; biết 10 loài vật và 10 loài cây có giá trị để làm thuốc; nắm vững được sự tích Phật tổ; hiểu được ý nghĩa kinh sám và cách thức niệm Phật.

Về phần chuyên môn của bậc Sơ thiện được Hội quy định như sau: Mỗi tháng, cứ vào ngày chủ nhật các Nhóm trưởng và Trưởng ban Thiện sinh sẽ tổ chức cho các em họp Hồ một lần, thăm quan ngoại cảnh một lần, nghỉ ở nhà hai lần (trong những ngày nghỉ này, các thiện sinh tự họp bàn, tập làm quen với các ngành nghề thủ công, tập nghiên cứu dần các học phần chuyên môn). Sau khi đã trải qua chương trình Sen gương thì các thiện sinh sẽ tiếp tục được lựa chọn các khoa chuyên môn phù hợp với năng lực và sở trường của mình để học.

Bậc Trung thiện gồm ba cấp theo thứ tự là Tập sự, Hứa nguyện và Thực hành. Các nội dung thực hành của bậc này được Hội quy định như sau:

Đối với cấp *Tập sự* sẽ trải qua thời gian đào tạo 6 tháng. Trong thời gian này, các thiện sinh phải hoàn thành các điều kiện là: Có đi họp Môn một lần và tham gia cắm trại hai lần; hiểu được ý nghĩa của cách thức chào hỏi; hiểu được ý nghĩa của châm ngôn và các điều luật hoa sen; thuộc kinh thiện sinh, kinh nhân sinh; hát được hai bài (chèo thuyền bác nhã và tứ ân); buộc được 5 loại nút của bậc Sen nở và biết cách nhóm lửa ngoài trời; biết làm theo còi hiệu; biết các hoạt động nhảy cao, nhảy xa, chạy bền theo điệu Hébert; biết được các phù hiệu của Ban Thiện sinh; biết làm những việc có ích cho gia đình; biết được cách thức trao đổi, mua bán và tổ chức các lễ kị bằng thức ăn chay; phải có giấy chứng nhận của phụ huynh khẳng định sự tiến bộ về tính cách, đạo đức.

Cấp *Hứa Nguyện* có thời gian đào tạo 1 năm. Điều kiện của cấp này là: Biết cách giải thích ý nghĩa của luật hoa sen và châm ngôn cho các thiện sinh lúc mới vào cấp Trung thiện; hiểu được lời hứa và cách thực hành giữ lời hứa; hát được 3 bài là "Lục độ", "Tự tín" và "10 hạnh Phổ Hiền"; kể được các câu chuyện về đức Phật, thuộc được kinh trì địa bổn hạnh và bài sám hối niệm Phật; hiểu được ý nghĩa, giá trị của chùa, đền, cờ, tràng phan; nhận biết được dấu hiệu đi đường và các phương hướng (10 hướng); biết đánh Morse và cách dùng các nút của Sen gương; có trí nhớ tốt và nắm vững được đường xá của một thôn xóm sau khi đã đi qua; có khả năng đứng bếp để tự nấu ăn và làm được một việc thủ công có ích; biết ghi chép (cách trồng, cách thu hoạch, cách dùng) thông tin về 10 loại cây dược liệu để làm thuốc cũng như 10 loài vật; có giấy chứng nhận của phụ huynh về sự tiến bộ của đức hạnh lúc ở cùng gia đình.

Đối với cấp *Thực hành*, có thời gian đào tạo ít nhất là 2 năm. Điều kiện của cấp này là: Hướng dẫn thành công một thiện sinh mới vào ban biết được luật hoa sen, châm ngôn cùng giá trị của việc giữ lời; chia sẻ được các kinh nghiệm của bản thân trong những năm sinh hoạt ở Ban Thiện sinh; thuộc kinh thập ân phụ mẫu, luật báo ân

và luận 6 tiếng Nam mô A Di Đà Phật; sáng tác được một ca khúc cho các thiện sinh; biết cách tính toán, quan sát khi đI đường (ngắn dài, rộng hẹp) và vẽ được sơ đồ về một đoạn đường mà mình đã đi qua; biết cách sơ cứu người và vật; rèn luyện thành thạo các điệu Hébert; làm được một đồ vật có giá trị; biết sử kí, địa dư phổ thông của đất nước; biết cách giúp cho các bạn trong Hồ tham gia các hoạt động giải trí; tham gia giúp đỡ cho xã hội để xứng danh là 1 thiện sinh.

Về chuyên môn của Bậc Trung thiện: Sau ba năm rưỡi thực hành, các thiện sinh sẽ được học các kiến thức chuyên môn về Ngũ minh. Ngũ minh tức là các môn khoa học ở trên thế giới và các ngành nghề trong dân gian. Các thiện sinh có quyền tự do lựa chọn cho mình các bộ môn khoa học cũng như các ngành nghề thích hợp để học tập và theo đuổi.

Bậc Hậu thiện cũng gồm ba cấp là Tập sự, Hứa nguyện và Thực hành. Đối với cấp *Tập sự*, thời gian đào tạo nhanh nhất có thể là 1 năm. Ở cấp này, các thiện sinh sẽ tiếp tục luyện tập theo chương trình của Bậc Trung thiện và bổ sung thêm các điều kiện như: Lí giải được một vấn đề thuộc về nhân sinh; đã xem hết hai quyển kinh, luận của Phật giáo và sách giáo dục công dân. Đối với cấp *Hứa nguyện* (ít nhất hai năm) thì phải: Hiểu được ý nghĩa sâu xa của lời hứa và luôn tuân thủ việc giữ lời; biết cách tổ chức một Ban Thiện sinh; hiểu được Tứ diệu đế, Kinh Bát nhã, hiểu được nhân quả, luân hồi; tự mình cắm trại được một ngày; đã đi thăm quan ở một địa điểm mới (phải có giấy xác nhận); đã hoàn thành được tất cả các yêu cầu của chương trình Hébert; biết cách làm vườn và trồng được 10 loại cây có giá trị; biết được cách chăm sóc các loại động vật thông thường; biết được một số nghề thủ công (đan lát, thêu dệt...); giới thiệu được hai người thuộc bậc Trung thiện và Hậu thiện vào ban và giúp họ làm quen được với chương trình tập sự. Cấp *Thực hành* (nhanh nhất là 3 năm) thì phải: Biết được ý nghĩa của thập nhị nhân duyên; đã thực hành các công việc như vét giếng, làm cầu, đắp đường, sơ cứu, nhạc họa, viết sách...; biết được các ngành nghề như thợ mộc, thợ may, thợ xây, thợ máy, thợ điện...; biết cách nghiên cứu một vấn đề của đời sống xã hội; biết được các công việc của nhà nông; biết cách tự lập; lập được một Bàu sen, một Liêu, một Chi; đã tham gia giữ trọng trách trong một lần trại hè hoặc tổ chức được một việc thiện lớn; biết cách làm trọng tài trong các hoạt động thể dục, thể thao; sống đúng với tinh thần gia đình, Tổ quốc.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nghệ An, Hà Tĩnh dù xuất hiện tương đối muộn song lại bước đầu khẳng định được giá trị khi thành lập được Hội Thiện Sinh Trung Kỳ. Tổ chức này ra đời đã góp phần đẩy mạnh các chương trình giáo dục, đào tạo để từ đó, bồi đắp kinh nghiệm, vốn sống và giúp các Phật tử trẻ tuổi trở thành những người công dân có ích trong gia đình, xã hội. Nhìn vào cách thức tổ chức và sinh hoạt của Hội Thiện sinh và Gia đình Phật tử Việt Nam sau này, chúng ta sẽ thấy được rất nhiều điểm tương đồng đến kỳ lạ. Nếu như Gia đình Phật tử có các bậc cao tăng, đại đức làm chứng minh (Gia trưởng) và các Huynh trưởng thì Hội Thiện sinh cũng có Thượng thiện nhân và Bổ. Nếu như Gia đình Phật tử có đoàn, đội, chúng thì Ban Thiện sinh có các bậc Sơ, Trung, Thiện. Nếu như Gia đình Phật tử có các ngành thì Ban Thiện sinh có các cấp Sen búp, Sen nở, Sen gương... Các Ban Thiện sinh, hay Gia đình Phật tử cũng đều sinh hoạt dựa trên nền tảng chủ đạo là tư tưởng Phật giáo cùng các châm ngôn, điều luật; cũng đều chú trọng đến việc thực hành và tổ

chức các buổi ngoại khóa để hoàn thiện kỹ năng cho các em (các trại hè, các khóa huấn luyện). Hoa sen cũng chính là biểu tượng chung của hai tổ chức này và cách lý giải về ý nghĩa hoa sen giữa Gia đình Phật tử và Hội Thiện sinh tương đối giống nhau... Một điều đáng lưu ý nữa là Hội An Nam Phật học - tổ chức giữ vai trò nòng cốt của phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung đã cho thành lập hội quán ở chùa Diệc Cổ (Nghệ An) và chùa Phật Học (Hà Tĩnh). Đây cũng chính là những địa điểm sinh hoạt chủ đạo của Hội Thiện sinh Trung Kỳ. Nguyễn Khoa Toàn một nhân vật nòng cốt của Hội An Nam Phật học (đã từng giữ chức Hội trưởng, Cố vấn, Thư ký) cũng đã tán trợ tích cực cho Hội Thiện sinh trong việc in ấn, phát hành kinh sách... Dù chưa có đủ nguồn tài liệu để khẳng định tính kế thừa, song thông qua các phép so sánh và đối chiếu như đã nêu trên thì rất nhiều khả năng các Gia đình Phật tử Việt Nam sau này ít nhiều chịu sự ảnh hưởng của Hội Thiện sinh Trung Kỳ.

CHÚ THÍCH

(1). Trang Quảng Hưng, "Việc chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ", Báo *Đông Pháp*, số ra ngày 17-12-1927.

(2), (3). Hội An Nam Phật học, *Điều lệ và Quy tắc*, Nhà in Đắc Lập, 1932, Huế, tr.6,1.

(4). Hội Phật học Đà Thành, "Bổn ý và sự hành động", *Tam Bảo Tạp chí*, số 1-1937, tr.7.

(5). Hội Phật học Đà Thành, "Ban chứng minh của bổn chí", *Tam Bảo Tạp chí*, số 5-1937, tr.2-6.

(6), (9). Hội An Nam Phật học, "Tin tức", *Nguyệt san Viên Âm*, số 45, 1941, tr.29, 1-22.

(7), (8). Hội An Nam Phật học, "Tin tức", *Nguyệt san Viên Âm*, số 43, 1940, tr.27, 31.

(10). Hội thiện sinh Trung Kỳ, *Sách đại lược về khoa giáo dục và quy tắc của Hội*, Nhà in Vương Đình Châu, Vinh, 1943, tr.1-10.

(11), (15), (16). Hội Thiện sinh Trung Kỳ, *Phật giáo thực hành*, Nhà in Á - Châu, Hà Nội, 1944, tr.113-114, 166-168, 115-120.

(12). Xem thêm Hội Phật giáo Bắc Kỳ, *Thiện sinh kinh*, Nhà in Đông Kinh Ấn Quán, Hà Nội, 1935, tr.2-3.

(13). Xem thêm Báo *Sài Gòn*, số 16529, ra ngày 29-12-1943, tr.2.

(14). *Việt Nam Dân quốc Công báo*, số 28, ra ngày 13-7-1946, tr.368.

(17). Hội Thiện sinh Trung Kỳ, *Phụ mẫu báo ân trọng kinh*, Sinh Minh Thư quán phát hành, Vinh, 1942, tr.4-5.

(18). Xem thêm Hội Thiện sinh Trung Kỳ, *Giảng nghĩa về Nam mô A Di Đà Phật*, Sinh Minh Thư quán phát hành, Vinh, 1942, tr.35-40.

(19). Lục độ là 6 hạnh có thể đưa nhà tu hành và chúng sinh vượt qua khỏi ranh giới của sự đau khổ để tiến thẳng tới cảnh giới an vui thanh tịnh. Sáu hạnh là: Bố thí Ba La Mật, trì giới Ba La Mật, nhẫn nhục Ba La Mật, tinh tấn Ba La Mật, thiền định Ba La Mật và trí tuệ Ba La Mật.

(20). Hội Thiện sinh Trung Kỳ, *Phật giáo thực hành*, Nhà in Á - Châu, Hà Nội, 1944, tr.117-120.

(21). Georges Hébert (1875-1957) là một huấn luyện viên quân sự người Pháp. Lấy cảm hứng từ kĩ năng phản xạ khéo léo của những người bản địa ở châu Phi, Hébert đã xây dựng thành công bộ môn vượt chướng ngại vật để giảng dạy trong các trường học. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ I trở đi, các bài giảng về kĩ năng đi, chạy, nhảy qua các vật cản, leo trèo, thăng bằng,... của Hébert được phát triển rộng và trở thành hệ thống giáo dục thể chất chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quân sự Pháp.